



ISSN 1859 - 4735

TẠP CHÍ DƯỢC LIỆU

JOURNAL OF MEDICINAL MATERIALS

SỐ 4 - TẬP 30
8/2025

VIỆN DƯỢC LIỆU
NATIONAL INSTITUTE OF MEDICINAL MATERIALS

3B Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội - Việt Nam
TEL: (+84-24) 38247058 FAX: (+84-24) 39348740
Email: tapchiduoclieu@nimm.org.vn; tapchiduoclieu@gmail.com

TẠP CHÍ DƯỢC LIỆU (Bản in và Bản điện tử)

BAN BIÊN TẬP (Nhiệm kỳ 2025-2030)

(Kèm theo Quyết định số 666/QĐ-VDL ngày 24/4/2025 của Viện trưởng Viện Dược liệu)

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Đỗ Thị Hà

I. Tiểu ban Dược liệu - Dược học cổ truyền

- **PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khởi - Trưởng Ban**
- PGS.TS. Nguyễn Thượng Dong - Ủy viên
- GS.TS. Nguyễn Minh Đức - Ủy viên
- GS.TS. Trần Công Luận - Ủy viên
- GS.TS. Won Keun Oh - Ủy viên
- PGS.TS. Trần Hùng - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Thu - Ủy viên
- PGS.TS. Phương Thiện Thương - Ủy viên
- PGS.TS. Phan Minh Giang - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Nguyễn Thành - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Việt Dũng - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Thu Hằng - Ủy viên
- TS. Trần Minh Ngọc - Ủy viên
- TS. Nguyễn Văn Tài - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Đình Chi - Ủy viên
- TS. Nguyễn Tuấn Hiệp - Ủy viên.

II. Tiểu ban Dược lý - Dược lâm sàng

- **PGS.TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng - Trưởng Ban**
- PGS.TSKH. Đỗ Trung Đàm - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên
- GS.TS. William R. Folk - Ủy viên
- PGS.TS. Phạm Thị Vân Anh - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương - Ủy viên
- PGS.TS. Lê Văn Minh - Ủy viên
- TS. Trần Thị Hiền - Ủy viên.

III. Tiểu ban Nông Sinh

- **TS. Nguyễn Văn Khiêm - Trưởng Ban**
- TS. Phan Thúy Hiền - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Văn Tập - Ủy viên
- PGS.TS. Phạm Thanh Huyền - Ủy viên
- GS.TS. Trần Thế Bách - Ủy viên.

IV. Tiểu ban Thư ký - Trị sự

- **PGS.TS. Lê Nguyễn Thành - Trưởng Ban**
- TS. Lê Thị Xoan - Thư ký chuyên môn
- CN. Nguyễn Thị Minh Lộc - Thư ký trị sự.

Trang	TỔNG QUAN	Page	REVIEW
227	Cây thuốc có berberin và vấn đề phát triển bền vững nguồn nguyên liệu chiết xuất hợp chất này ở Việt Nam hiện nay - Nguyễn Tập, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Huy Văn, Nguyễn Thị Hà Ly, Nguyễn Ngọc Thanh, Vàng Quốc Tuấn, Phạm Ngọc Khánh, Võ Quang Trung, Đặng Ngọc Phái, Trịnh Thị Quỳnh, Huỳnh Minh Đạo	227	The Medicinal Plants Containing Berberine and the Matter of Sustainable Development of Material Sources for Its Extraction in Vietnam Today - Nguyễn Tập, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Huy Văn, Nguyễn Thị Hà Ly, Nguyễn Ngọc Thanh, Vàng Quốc Tuấn, Phạm Ngọc Khánh, Võ Quang Trung, Đặng Ngọc Phái, Trịnh Thị Quỳnh, Huỳnh Minh Đạo
	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC		SCIENTIFIC RESEARCH
237	Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vị thuốc cát căn sao vàng - Lê Thị Loan, Phan Thị Trang, Nguyễn Thị Phương, Trần Hữu Khanh Tân, Nguyễn Thế Chung, Nguyễn Minh Khôi, Đỗ Thị Hà, Nguyễn Văn Tài	237	Establishment of an In-House Standard for <i>Radix Puerariae thomsonii</i> <i>Præparata</i> (Yellow-Roasted) - Lê Thị Loan, Phan Thị Trang, Nguyễn Thị Phương, Trần Hữu Khanh Tân, Nguyễn Thế Chung, Nguyễn Minh Khôi, Đỗ Thị Hà, Nguyễn Văn Tài
246	Nghiên cứu xây dựng phương pháp định tính và định lượng α -spinasterol 3-O- β -D-glucopyranosid trong dược liệu đẳng sâm Việt Nam - Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Thị Phương	246	Development of Qualitative and Quantitative Analysis Methods for α -Spinasterol 3-O- β -D-glucopyranoside in <i>Radix Codonopsis javanicæ</i> - Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Thị Phương
254	Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vị thuốc ba kích chích muối - Phan Thị Trang, Lê Thị Loan, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Hữu Khanh Tân, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Minh Khôi, Đỗ Thị Hà, Nguyễn Văn Tài	254	Establishment of an In-House Standard for <i>Radix Morindæ officinalis</i> <i>Præparata</i> (Salt-Processed) - Phan Thị Trang, Lê Thị Loan, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Hữu Khanh Tân, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Minh Khôi, Đỗ Thị Hà, Nguyễn Văn Tài
268	Nghiên cứu tác dụng long đờm và giảm ho của cát cánh di thực trên thực nghiệm - Lê Thị Xoa, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Hiệp, Phạm Thị Nguyệt Hằng, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Hùng Sơn, Đào Văn Núi	268	Study on the Expectorant and Antitussive Effects of <i>Platycodon grandiflorum</i> Cultivated in Vietnam in Experimental Models - Lê Thị Xoa, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Hiệp, Phạm Thị Nguyệt Hằng, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Hùng Sơn, Đào Văn Núi
272	Đánh giá tác dụng hỗ trợ cải thiện thoái hóa khớp trên thực nghiệm của mạn kinh tử - Đỗ Thị Hồng Khanh, Phạm Thị Nguyệt Hằng, Bùi Thanh Tùng	272	Evaluation of the Effect of <i>Vitex trifolia</i> L. Fruits on Osteoarthritis Improvement in an Experimental Model - Đỗ Thị Hồng Khanh, Phạm Thị Nguyệt Hằng, Bùi Thanh Tùng
281	Tác dụng hạ acid uric máu của cao chiết phổi hợp hỷ thiêm, ké đầu ngựa và thổ phục linh trên thực nghiệm - Dương Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thành Triết	281	Anti-Hyperuricemic Effect of the Extract Containing <i>Siegesbeckia orientalis</i> , <i>Xanthium strumarium</i> , and <i>Smilax glabra</i> - Dương Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thành Triết
287	Nghiên cứu bào chế giảm vị đắng cao rau đắng biển bằng hệ phân tán rắn với chất mang eudragit E100 - Nguyễn Thị Lê, Xa Thị Phương Thảo, Lê Thị Kim Vân	287	Masking the Bitter Taste of <i>Bacopa</i> Extract by Solid Dispersion System with Eudragit E100 as Carrier - Nguyễn Thị Lê, Xa Thị Phương Thảo, Lê Thị Kim Vân
296	Ghi nhận bổ sung loài húng đơn cho hệ thực vật Việt Nam có giá trị làm thuốc - Huỳnh Minh Đạo, Nguyễn Hoàng Tuấn, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Thu Hương, Võ Văn Sỹ	296	<i>Coleus monostachyus</i> (P.Beauv.) A.J.Paton - A Record of Medicinal Plant Species for the Flora of Vietnam - Huỳnh Minh Đạo, Nguyễn Hoàng Tuấn, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Thu Hương, Võ Văn Sỹ
301	<i>Curculigo sinensis</i> S. C. Chen, ghi nhận bổ sung một loài cây thuốc cho Việt Nam - Đặng Việt Cường, Nguyễn Văn Hiếu, Tô Minh Tú, Trần Văn Lộc, Đặng Minh Tú, Phạm Ngọc Khánh, Nguyễn Hải Văn, Bùi Văn Thanh, Ngô Đức Phương, Nghiêm Đức Trọng, Hoàng Diệu Linh, Nguyễn Minh Khôi	301	<i>Curculigo sinensis</i> S. C. Chen, a New Record of Medicinal Plant Species for the Flora of Vietnam - Đặng Việt Cường, Nguyễn Văn Hiếu, Tô Minh Tú, Trần Văn Lộc, Đặng Minh Tú, Phạm Ngọc Khánh, Nguyễn Hải Văn, Bùi Văn Thanh, Ngô Đức Phương, Nghiêm Đức Trọng, Hoàng Diệu Linh, Nguyễn Minh Khôi

GHI NHẬN BỔ SUNG LOÀI HÚNG ĐƠN CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM CÓ GIÁ TRỊ LÀM THUỐC

**Huỳnh Minh Đạo¹, Nguyễn Hoàng Tuấn², Nguyễn Thị Thu³, Nguyễn Thanh Tùng²,
Phạm Thu Hương¹, Võ Văn Sỹ^{1,*}**

¹*Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng;*

²*Trường Đại học Dược Hà Nội;*

³*Viện Dược liệu*

*Email: vvsy@dhktyduocdn.edu.vn

Nhận bài: 23/01/2025

Chấp nhận đăng: 15/4/2025

Tóm tắt

Trong đợt điều tra cây thuốc tại khu vực quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận sự phân bố của một loài húng đơn - *Coleus monostachyus* (P. Beauv.) A.J.Paton. Qua đó bổ sung thêm một loài thuộc chi *Coleus* cho hệ thực vật của Việt Nam. Loài đặc trưng bởi các đặc điểm hình thái như: Thân vuông, lá mọc đối chéo chữ thập, đài hoa hình chuông, có hai môi, môi trên 1 thùy, môi dưới 4 thùy, tràng hoa gấp khúc, có 2 môi, môi trên 4 thùy nhỏ, môi dưới 1 thùy lớn, lõm hình thuyền, nhị 4, dính nhau ở dưới, bầu có lông. Nghiên cứu đã mô tả chi tiết đặc điểm hình thái và đặc điểm hiển vi của lá cũng như những ghi chú về phân bố, sinh thái, sử dụng làm thuốc của loài húng đơn.

Từ khóa: Đà Nẵng; Việt Nam; *Coleus monostachyus*; Húng đơn; Đặc điểm hình thái; Đặc điểm hiển vi.

Summary

***Coleus monostachyus* (P.Beauv.) A.J.Paton - A Record of Medicinal Plant Species for the Flora of Vietnam**

Through the survey of medicinal plants in Ngu Hanh Son district, Da Nang city, our research group recorded the distribution of *Coleus monostachyus* (P.Beauv.) A.J.Paton species, thereby adding a new species of the genus *Coleus* to the flora of Vietnam. The species is characterized by morphological characteristics such as: square stem, leaves growing crosswise, bell-shaped calyx, with two lips, upper lip with 1 lobe, lower lip with 4 lobes, folded corolla, with 2 lips, upper lip with 4 small lobes, lower lip with 1 large lobe, boat-shaped concave, 4 stamens, fused below, hairy ovary. The study described in detail the morphological and microscopic characteristics of the leaves as well as notes on the distribution, ecology, and medicinal uses of *C. monostachyus*.

Keywords: Danang, Vietnam; *Coleus monostachyus*; Microscopic characteristics; Morphological characteristics.

1. Đặt vấn đề

Coleus Lour., họ Lamiaceae là một chi khá lớn với khoảng 300 loài [1], phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới và phía nam của Châu Phi, Madagascar, Châu Á và Úc [2]. Theo Thực vật chí Việt Nam, tập 2, *Coleus* chỉ được ghi nhận 4 loài [3], hầu hết các loài này đều có tinh dầu, thường được sử dụng để làm thuốc chữa ho, cảm sốt. Trong đợt điều tra cây thuốc tại khu vực quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận được một loài *Coleus* lạ. Sau khi tra cứu qua các tài liệu có liên quan và tham khảo các mẫu vật tiêu bản, mẫu vật được xác định là *Coleus*

monostachyus (P. Beauv.) A.J.Paton, gọi tên là húng đơn. Loài này có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới châu Phi, thường mọc hoang ở các vùng đất thổ cư và cao nguyên đá. Loài này còn được tìm thấy ở Singapore, Malaysia và quần đảo Java (Indonesia) [4]. Qua tìm hiểu các tài liệu như Thực vật chí Việt Nam, tập 2 [3], Cây thuốc và động thuốc ở Việt Nam [5], Từ điển cây thuốc Việt Nam [6] và các công bố khác, chúng tôi chưa thấy ghi nhận loài này ở Việt Nam. Bài báo này ghi nhận phân bố của loài húng đơn (*Coleus monostachyus* (P.Beauv.) A.J.Paton), một loài mới thuộc chi *Coleus* Lour. ở Việt Nam.

2. Nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguyên liệu nghiên cứu

Húng đơn được thu hái tự nhiên tháng 01 năm 2025 tại Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, khi có đủ hoa, bán kính 100 m quanh tọa độ 15°98'49.9"N 108°22'29.5"E. Mẫu tiêu bản nghiên cứu được lưu tại Phòng Tiêu bản của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng với mã số tiêu bản ĐN/301/25.

Phân tích và chụp ảnh cây, hoa trên kính hiển vi soi nổi Leica EZ4.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đặc điểm hình thái của mẫu nghiên cứu tại thực địa và trong phòng thí nghiệm theo phương pháp trong tài liệu, mô tả đặc điểm hình thái theo phương pháp mô tả phân tích [7].

Giám định tên khoa học của mẫu nghiên cứu: đối chiếu đặc điểm mô tả với các tài liệu có liên quan [8],[9],[10] và tham khảo các mẫu vật tiêu bản (online) được lưu giữ tại Kew Herbarium, Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Paris.

Vì phẫu: cắt và nhuộm theo phương pháp nhuộm kép, chụp ảnh.

Soi bột: mẫu nghiên cứu được sấy khô, tán thành bột, rây qua rây cỡ 150 μ m. Bột được liệu được lấy làm tiêu bản giọt ép và quan sát dưới kính hiển vi.

3. Kết quả

3.1. Đặc điểm hình thái

Cây thảo, sống hằng năm, thân thường mọc thẳng, có thể cao đến 0,8 m. Toàn cây có mùi thơm nhẹ. Rễ cọc ít phát triển, rễ con phát triển giống như hệ rễ chùm. Những đoạn thân nằm ngang trên mặt đất có các rễ bất định mọc ra từ mấu. Thân mọng nước, nhiều lông tơ nhỏ, phân nhánh nhiều, các lông dài 5 - 9 cm.

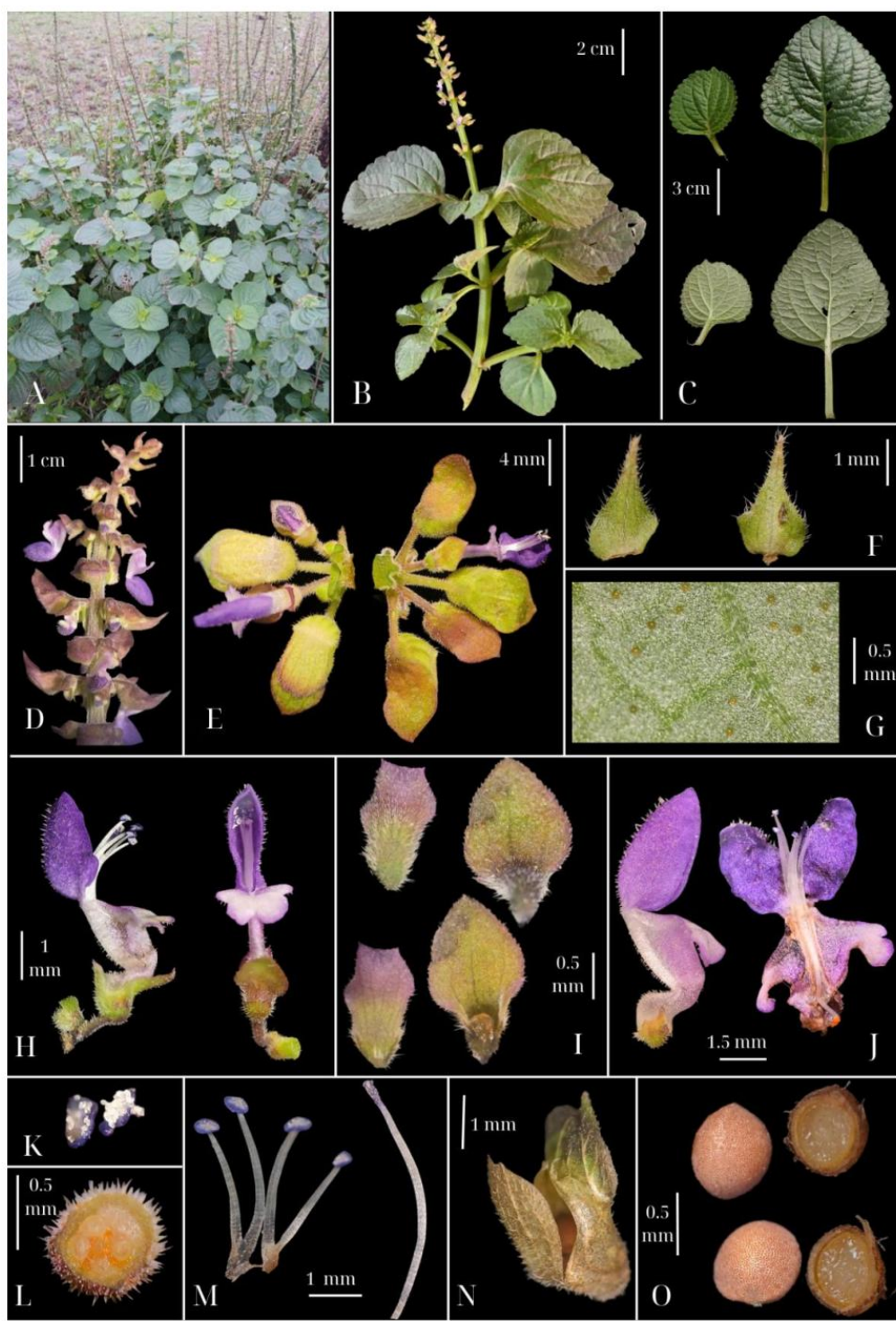
Lá đơn, mọc đối chéo hình chữ thập, mọng nước, cuống lá dài khoảng 2 - 5 cm, có lông

máng rõ, phủ đầy lông tơ màu trắng. Phiến lá hình tim, kích thước rất khác nhau, có thể to đến 10 x 11 cm. Mặt trên màu xanh đậm, mặt dưới màu bạc. Mép lá có răng cưa. Gân lá hình lông chim với 4 - 5 ở mỗi bên, nổi rõ ở mặt dưới. Cả 2 mặt có lông rất nhỏ. Mặt dưới có nhiều tuyến dạng hạt màu vàng cam chứa tinh dầu.

Cụm hoa dạng chùy, do các xim hai ngã hợp thành, mọc từ ngọn thân, ngọn cành, trục cụm hoa có thể dài đến 40 cm, không phân nhánh, có nhiều lông tơ. Các cụm hoa cách nhau 1 - 4 cm. Mỗi cụm hoa gồm 2 xim đối diện nhau, có cuống xim rất ngắn khoảng 0,5 - 1 mm, mỗi xim gồm 6 - 7 hoa. Lá bắc tồn tại, nằm dưới mỗi xim, hình tam giác, đỉnh nhọn kéo dài, kích thước khoảng 3 x 1,5 mm, mép có nhiều lông, mặt ngoài rải rác các tuyến tinh dầu.

Hoa lưỡng tính, màu tím nhạt, dài 7,5 - 8 mm, cuống hoa dài 3 - 4 mm, có nhiều lông mịn. Đài hoa màu xanh, hình bầu dục, có 2 môi ko đều, phủ đầy lông và có các tuyến chứa tinh dầu ở mặt ngoài. Môi to kích thước khoảng 1 x 1,8 mm, môi nhỏ 0,4 x 1,3 mm, có thể to lên đến 3 x 7 mm và 2,5 x 6 mm ở quả. Tròng hoa màu tím, nhạt dần từ trên đỉnh xuống gốc, cong lại giống hình cá ngựa, dài khoảng 7 - 8 mm, mặt ngoài có các tuyến chứa tinh dầu, có lông dài hơn mặt trong. Tròng có 2 môi, môi trên ngắn, có 4 thùy, màu trắng pha tím, 2 thùy giữa lớn hơn 2 thùy bên. Môi dưới màu tím đậm, lõm hình thuyền. Nhị 4, dính nhau ở gốc, được môi trước bao bọc lại. Chỉ nhị dài 2 - 3 mm, màu trắng trong, bao phấn 2 ô, màu tím, dính lưng, nứt dọc. Hạt phấn hình cầu, màu trắng. Vòi nhụy dài 4,5 - 5 mm, không lông. Bầu trên, 4 ô, dính noãn trung trụ.

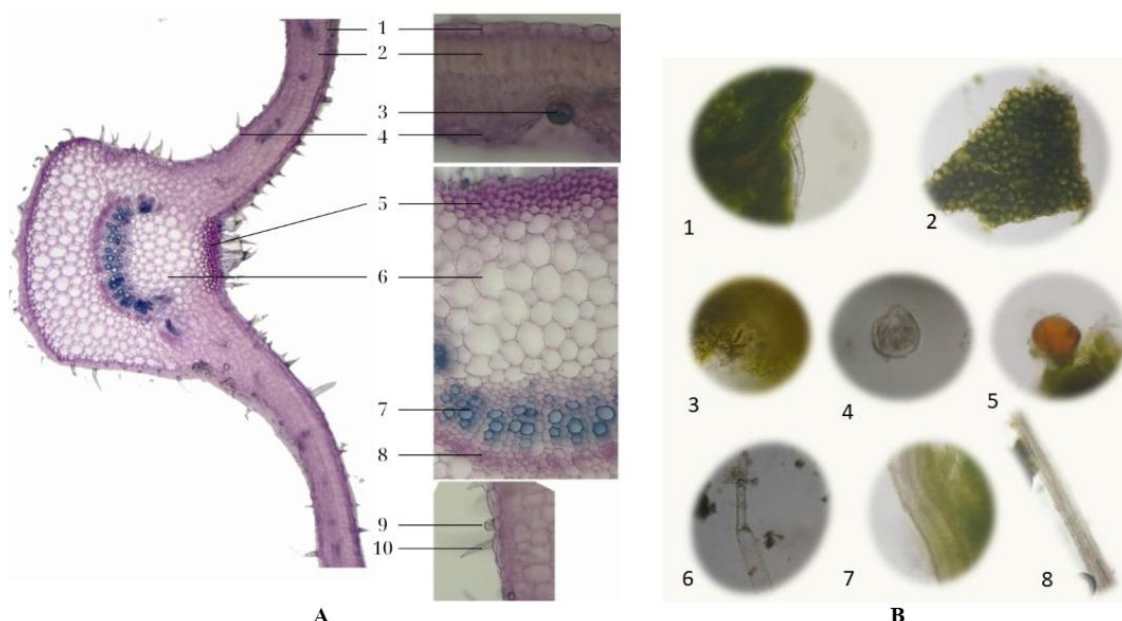
Quả được 2 đài đồng trường bao bọc lại. Hạt hình cầu, đường kính khoảng 0,8 mm, màu nâu, khi tiếp xúc với nước tạo ra chất nhầy bao xung quanh (Hình 1).



Hình 1. Ảnh chụp cây và một số bộ phận của cây húng đơn

A. Cây tại thực địa; B. Thân mang cành, lá và hoa; C. Lá; D. Cụm hoa; E. Cụm hoa hình Xim;
F. lá bắc; G. Tuyến tinh dầu dưới mặt lá; H. Hoa chụp dọc và ngang; I. Đài hoa; J. Tràng hoa; K. Bao phấn;
L. Bầu cái ngang; M. Nhị và nhụy; N. Quả; O. Hạt

3.2. Đặc điểm hiển vi



Hình 2. Đặc điểm vi phẫu lá (A) và bột lá (B)

- A. 1. Biểu bì trên; 2. Mô giậu; 3. Tuyến tiết; 4. Biểu bì dưới; 5. Mô dày; 6. Mô mềm; 7. Gỗ; 8. Libe; 9. Lông tiết; 10. Lông che chở
B. 1. Biểu bì mang lông che chở; 2. Mảnh mô mềm; 3. Lỗ khí; 4. Lông tiết; 5. Tuyến tiết; 6. Lông che chở; 7. Mảnh mạch. 8. Bó sợi

Vi phẫu lá (Hình 2A): Vi phẫu lá đối xứng qua mặt phẳng, gồm có 2 phần gân giữa và phiến lá. Trong đó, gân giữa dày gấp 2 - 3 lần so với phiến lá chính thức. Gân lá lõm ở mặt dưới. Biểu bì trên và biểu bì dưới được cấu tạo bằng 1 lớp tế bào, có hình đa giác hay chữ nhật nằm sát nhau và trên đó phủ lớp cutin mỏng. Bên ngoài lớp biểu bì có rất nhiều lông che chở đa bào, thỉnh thoảng có lông tiết đơn bào. Ngay dưới biểu bì trên có mô dày góc gồm 3 - 4 lớp tế bào hình đa giác, bắt màu hồng đậm, vách tế bào dày ở góc, tạo thành một cụm nhỏ nằm giữa gân chính. Mô mềm gồm các tế bào hình gần tròn. Hệ thống dẫn chính là bó libe gỗ xếp thành hình vòng cung ngay giữa gân lá, libe ở ngoài, gỗ ở trong. Ở phiến lá, mô giậu là 1 lớp tế bào hình chữ nhật, hai đầu hơi thuôn, không đều, xếp khít nhau nằm ngay bên dưới và thẳng góc với biểu bì trên. Dưới lớp mô giậu là mô mềm gồm các tế bào hình đa giác, kích thước không đều, sắp

xếp lộn xộn. Ở biểu bì dưới có các tế bào tiết/tuyến tiết nằm rải rác.

Đặc điểm bột lá (Hình 2B): Bột lá màu xanh lục, có mùi đặc trưng, vị hơi đắng, gồm có các đặc điểm: Biểu bì mang lông che chở (1); mảnh mô mềm (2), lỗ khí (3), lông tiết (4), tế bào tiết (5), lông che chở (6), mảnh mạch (7), bó sợi (8).

3.3. *Sinh thái*: Là cây ưa sáng, nửa sáng, mọc ở những nơi đất trống, ven đường. Mùa hoa tháng 11 đến tháng 1 năm sau, phát tán khá mạnh.

3.4. *Phân bố*: Việt Nam, châu Phi, Singapore, Malaysia và quần đảo Java (Indonesia), Costa Rica.

3.5. *Sử dụng*: Ở Nigeria và Cameroon, *C. monostachyus* được sử dụng trong điều trị sốt rét, đau đầu, hỗ trợ sinh con, chống oxy hóa, giảm ho, sốt và chữa tưa miệng [9].

3.6. Bàn luận

Qua phân tích các đặc điểm hình thái mẫu cây húng đơn (Hình 1); kết hợp với việc tra cứu các tài liệu khóa phân loại thuộc chi *Coleus* Lour.,

căn cứ vào các tài liệu [8],[9],[10], so sánh với hình ảnh tiêu bản mẫu của loài *Coleus monostachyus* (P.Beauv.) A.J.Paton lưu giữ tại Bảo tàng lịch sử tự nhiên Paris (MNHN-P-P01082778 và MNHN-P-P00450769), Kew Herbarium

[<https://powo.science.kew.org/taxon/urn:lsid:ipni.org:names:77201146-1>] cho thấy có sự tương đồng và trùng khớp các bộ phận sinh trưởng và sinh sản của mẫu nghiên cứu, đã kết luận mẫu, húng đơn thu hái tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng có tên khoa học là *Coleus monostachyus* (P.Beauv.) A.J.Paton; thuộc họ Hoa môi - (Lamiaceae), các tên đồng danh là: *Ocimum monostachyum* P.Beauv., *Plectranthus monostachyus* (P.Beauv.) B. J. Pollard, *Plectranthus palisotii* Benth., *Solenostemon monostachyus* (P. Beauv.) Briq., *Solenostemon ocymoides* var. *monostachyus* (P. Beauv.) Baker.

Bài báo này lần đầu tiên ghi nhận loài *Coleus monostachyus* (P. Beauv.) A. J. Paton có mặt ở Việt Nam. Hơn nữa bài báo này là lần đầu tiên mô tả chi tiết bằng hình ảnh và đầy đủ bằng tiếng Việt về đặc điểm thực vật, đặc điểm hiển vi, sinh

thái và phân bố, thông tin sử dụng làm thuốc loài *Coleus monostachyus* (P. Beauv.) A. J. Paton có ở Việt Nam.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam loài húng đơn *Coleus monostachyus* (P. Beauv.) A. J. Paton. Loài đặc trưng bởi các đặc điểm: thân vuông, lá mọc đối chéo chữ thập, đài hoa hình chuông, có hai môi, môi trên 1 thùy, môi dưới 4 thùy, tràng hoa gấp khúc, có 2 môi, môi trên 4 thùy nhỏ, môi dưới 1 thùy lớn, lõm hình thuyền, nhị 4, dính nhau ở dưới, bầu có lông. Soi vi phẫu lá thấy rất nhiều lông che chở đa bào, có lông che chở đơn bào và các tuyến tiết tinh dầu. Bột lá màu xanh, có mùi thơm, soi thấy rất nhiều mảnh biểu bì mang lông che chở đa bào, rải rác có các tuyến tiết màu vàng cam và ít lông tiết đơn bào. Loài *C. monostachyus* (P. Beauv.) A. J. Paton phân bố ở các vùng đất trồng quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Hiện chưa có nghiên cứu về loài húng đơn này ở Việt Nam, do vậy cần nghiên cứu về thành phần hóa học, tác dụng dược lý và giá trị sử dụng.

Tài liệu tham khảo

1. Paton A. J., Mwanyambo M., Govaerts R. H. A., Smitha K., Suddee S., Phillipson P. B., Wilson T. C., Forster P. I., Culham A. (2019), Nomenclatural changes in *Coleus* and *Plectranthus* (Lamiaceae): a tale of more than two genera, *PhytoKeys*, 129, 1-158. <https://doi.org/10.3897/phytokeys.129.34988>.
2. Harley R. M., Atkins S., Budantsev A. L., Cantino P. D., Conn B. J., Grayer R. (2004), *The Families and Genera of Vascular Plants* 7, Springer, Berlin, 167-275. https://doi.org/10.1007/978-3-642-18617-2_11.
3. Vũ Xuân Phương (2000), *Thực vật chí Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, tập 2, 54-64.
4. Irsyam A. S. D., Mountara A. (2018), *Plectranthus monostachyus* (P. Beauv.) B. J. Pollard (Lamiaceae) di Jawa, *Floribunda*, 6(1), 32-33. <http://dx.doi.org/10.32556/floribunda.v6i1.2018.223>.
5. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thương Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiền, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mẫn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1009-1011, 1034-1035.
6. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Tập 1, 1158-1159, 1179-1180; Tập 2, 963, 1001.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 23-27.
8. Pollard B. J., Paton A. (2001), A new rheophytic species of *Plectranthus* L'Her. (Labiatae) from the Gulf of Guinea, *Kew Bulletin*, 56(4), 975-982. <https://doi.org/10.2307/4119309>.
9. Prendas S. B., Alvarado R. A., Vindas P. S., Alvarez L. P. (2013), First report of the weed *Solenostemon monostachyus* (P. Beauv.) Briq. (Fam. Lamiaceae) in agroecosystems in Costa Rica, *Agronomia Mesoamericana*, 24(2), 427-431. <https://doi.org/10.15517/am.v24i2.12544>.
10. Chung Y. S., Teo S., Chong K. Y., Kurukulasuriya B. R., Tan H. T. W. (2015), Weed risk assessments of the exotic species of *Plectranthus* L'Her. (Lamiaceae) in Singapore, *Nature in Singapore*, 8, 1-13.